

Đánh giá tính khả thi của mô hình thí điểm tự chủ đại học tại Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh

Assessing the feasibility of the pilot model for university autonomy at University of Transport Ho Chi Minh City

Nguyễn Khánh Lâm*, Nguyễn Thị Hồng

Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh

*Email liên hệ: lan.nguyen@ut.edu.vn

Tóm tắt:

Nghiên cứu này đánh giá tính khả thi của việc triển khai mô hình thí điểm tự chủ đại học tại Trường Đại học Giao thông vận tải TP.HCM (UTH). Dựa trên phân tích kinh nghiệm quốc tế và thực trạng trong nước, kết quả cho thấy UTH đã đáp ứng các điều kiện cần thiết để thực hiện tự chủ, bao gồm hoàn thiện cơ cấu quản trị, đạt chuẩn kiểm định chất lượng, xây dựng cơ chế tài chính minh bạch, phát triển đội ngũ và mở rộng quy mô đào tạo, nghiên cứu. Tuy nhiên, để đảm bảo thành công, Trường cần tiếp tục cải tiến hệ thống quản lý nội bộ, nâng cao năng lực quản trị và đa dạng hóa nguồn thu. Với những điều kiện và định hướng phù hợp, UTH hoàn toàn có thể triển khai hiệu quả mô hình tự chủ, khẳng định vị thế tiên phong trong lĩnh vực giao thông vận tải, đồng thời cung cấp bài học kinh nghiệm quý báu cho các trường đại học công lập khác trong quá trình chuyển đổi sang tự chủ.

Từ khóa: Tự chủ đại học, Tự chủ tài chính, Quản trị đại học, UTH

Abstract:

This study assesses the feasibility of implementing a pilot model of university autonomy at University of Transport Ho Chi Minh City (UTH). Based on an analysis of international experiences and the domestic context, the results indicate that UTH has met the necessary conditions for autonomy, including improving governance structure, achieving quality accreditation standards, developing a transparent financial mechanism, enhancing staff development, and expanding training and research scale. However, to ensure success, the University needs to continue refining its internal management system, strengthening governance capacity, and diversifying income sources. With the appropriate conditions and orientation, UTH is fully capable of effectively implementing the autonomy model, affirming its pioneering position in the field of transportation, while providing valuable lessons for other public universities in the process of transitioning to autonomy.

Keywords: University autonomy, Financial autonomy, University governance, UTH.

1. Đặt vấn đề

Tự chủ đại học là một nguyên tắc cơ bản đã tồn tại từ những ngày đầu của giáo dục đại học. Bản chất của tự chủ đại học bắt nguồn từ triết lý giáo dục của một quốc gia và khác nhau trên toàn cầu tùy thuộc vào vai trò nhận thức của nhà

nước trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng.

Theo báo cáo về tình hình tự chủ các trường đại học ở Châu Âu năm 2011 [1], tự chủ đại học đề cập đến mối quan hệ đang thay đổi giữa nhà nước và các trường đại học. Xu hướng chính là sự dịch chuyển theo hướng tăng cường truyền

thống tự do học thuật, đồng thời giảm bớt sự kiểm soát trực tiếp của chính phủ đối với các trường. Từ góc nhìn này, tự chủ đại học có thể được định nghĩa là quyền tự do của các cơ sở giáo dục đại học trong việc ra quyết định và triển khai các hoạt động nội bộ mà không chịu sự kiểm soát hoặc can thiệp của nhà nước. Tuy nhiên, bất kỳ ảnh hưởng nào của nhà nước đối với hoạt động của trường đại học cũng phải dựa trên cơ sở pháp lý rõ ràng. Nói cách khác, tự chủ đại học là quyền tự chủ của chính tổ chức, được thể chế hóa thông qua các chính sách và luật pháp của chính phủ. Đây là một yếu tố thiết yếu trong quản trị giáo dục đại học, phản ánh tính độc lập của các trường đại học so với sự kiểm soát của nhà nước. Mức độ tự chủ dành cho các trường đại học khác nhau trên bốn khía cạnh chính:

- Tự chủ về tổ chức: Khả năng quyết định cơ cấu nội bộ và quản trị tổ chức.
- Tự chủ về tài chính: Quyền tự do quản lý nguồn lực tài chính, tạo ra thu nhập và phân bổ ngân sách.
- Tự chủ về nhân sự: Quyền tuyển dụng, trả lương, bổ nhiệm, sa thải cán bộ, đội ngũ giảng viên và nhân viên hành chính.
- Tự chủ về học thuật: Khả năng xác định chương trình học thuật, tuyển sinh, đảm bảo chất lượng và các ưu tiên nghiên cứu.

Mức độ mà các trường đại học được trao quyền ra quyết định trong các lĩnh vực này mà không bị can thiệp từ bên ngoài là thước đo tính tự chủ tổng thể. Dù tự chủ được coi là yếu tố quan trọng để các trường đại học hoàn thành sứ mệnh giáo dục, nghiên cứu và phục vụ xã hội. Đồng thời, tự chủ phải đi đôi với trách nhiệm giải trình với các bên liên quan và phù hợp với các ưu tiên quốc gia.

Khái niệm tự chủ đại học đã phát triển theo thời gian và khác nhau giữa các quốc gia. Tuy nhiên, đang có sự đồng thuận ngày càng tăng trên toàn cầu rằng mức độ tự chủ tổ chức cao, cùng với các biện pháp giải trình thích hợp, là yếu tố thiết yếu để xây dựng các trường đại học đẳng cấp thế giới thúc đẩy sáng tạo tri thức, đổi

mới và tăng trưởng kinh tế trong thế kỷ 21. Tìm ra sự cân bằng phù hợp giữa tính tự chủ và trách nhiệm giải trình vẫn là một thách thức liên tục và là ưu tiên chính sách trong các hệ thống giáo dục đại học trên toàn thế giới.

Theo [2] tự chủ đại học đóng vai trò then chốt trong việc phát huy nội lực của các cơ sở giáo dục đại học và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Cụ thể, tầm quan trọng của tự chủ đại học thể hiện ở các khía cạnh sau:

- *Thúc đẩy áp dụng các phương thức quản trị tiên tiến:* Tự chủ đại học tạo điều kiện thuận lợi để các trường triển khai mô hình quản trị hiện đại, góp phần cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Trong khi đó, vai trò của Nhà nước chuyển từ can thiệp trực tiếp sang định hướng hoạt động của nhà trường thông qua các chính sách phân bổ nguồn lực hợp lý.

- *Tăng cường năng lực nghiên cứu và đổi mới chương trình đào tạo:* Tự chủ tạo động lực để các trường tập trung nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến chương trình giảng dạy và củng cố thương hiệu. Mỗi trường có cơ hội tự xác định hướng phát triển phù hợp để đáp ứng nhu cầu xã hội, gắn liền với trách nhiệm giải trình.

- *Tăng tính linh hoạt và năng động trong hoạt động:* Tự chủ đại học, đặc biệt trong tuyển sinh, giúp các trường chủ động, sáng tạo và linh hoạt hơn trong mọi hoạt động. Mức độ tự chủ có thể khác nhau tùy điều kiện từng trường, từ tự chủ một phần đến toàn phần. Các trường thí điểm tự chủ đã thể hiện sự mềm dẻo hơn về tổ chức bộ máy, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và tuyển dụng nhân sự.

- *Thúc đẩy cạnh tranh và nâng cao chất lượng:* Tự chủ đại học sẽ tạo áp lực cạnh tranh, thúc đẩy các cá nhân và tổ chức trong trường không ngừng đổi mới, sáng tạo nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Quyền tự do học thuật và tự chủ chuyên môn sẽ khơi dậy tiềm năng sáng tạo của mỗi thành viên, phù hợp với sứ mệnh của trường đại học. Tuy

nhiên, tự chủ chỉ là tiền đề cần thiết mà chưa đủ. Hiệu quả thực tế của cơ chế tự chủ còn phụ thuộc vào năng lực nội tại, sự nỗ lực và quyết tâm đổi mới của mỗi cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh mới.

Trong những năm gần đây, chủ đề tự chủ đại học đang nhận được nhiều sự quan tâm từ các nhà nghiên cứu trên thế giới. Nhiều công trình khoa học đã tập trung phân tích mối quan hệ giữa tính tự chủ, cơ chế quản trị và hiệu quả hoạt động của các trường đại học trong bối cảnh cải cách giáo dục đại học theo định hướng thị trường.

Tại Liên minh Châu Âu, các trường công lập nhận gói tài trợ hàng năm từ chính phủ, có thể điều chỉnh theo việc đạt chỉ tiêu hoạt động, đồng thời ngân sách cho nghiên cứu được phân bổ dựa trên đánh giá thành tích. Nghiên cứu của Enders và cộng sự đã phân tích dữ liệu từ 26 quốc gia châu Âu để đánh giá mối quan hệ giữa quyền tự chủ và hiệu quả hoạt động của các trường đại học. Kết quả nghiên cứu chỉ ra tác động tích cực của việc trao quyền tự chủ về tài chính và nhân sự đối với năng suất nghiên cứu và số lượng công bố quốc tế của các trường. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng lưu ý rằng tác động này cần được xem xét trong bối cảnh cụ thể của từng quốc gia và hệ thống giáo dục [3]. Nghiên cứu của Vidovich và Currie, dựa trên các nghiên cứu điển hình từ Australia và Vương quốc Anh, đã chỉ ra sự tương tác phức tạp giữa tính tự chủ, cơ chế quản trị và niềm tin trong bối cảnh cải cách giáo dục đại học theo hướng tự do mới. Các tác giả lập luận rằng việc tăng cường kiểm soát và giám sát hiệu quả hoạt động từ phía chính phủ có thể làm xói mòn các quan niệm truyền thống về tính tự chủ và niềm tin của các tổ chức đại học [4].

Tại Hoa Kỳ, mức hỗ trợ từ chính quyền bang cho các trường công lập đang giảm, nhưng các trường được tự chủ cao trong việc gia tăng và quản lý các nguồn thu. Nghiên cứu của Aghion và cộng sự đã chỉ ra rằng các trường có mức độ tự chủ cao hơn, đặc biệt trong việc kiểm soát

ngân sách và quyết định tuyển dụng, thường đạt thành tích tốt hơn xét về thứ hạng quốc tế và số lượng các công bố nghiên cứu có trọng số trích dẫn trên đầu giảng viên.

Tại Châu Á, Nhật Bản và Singapore đã cắt giảm tài trợ công, cho phép các trường chủ động tìm nguồn thu mới, quản lý tài chính hiệu quả, chẳng hạn như tăng thu từ học phí, lệ phí. Những thay đổi này thúc đẩy các trường đa dạng hóa nguồn thu, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực [5]. Nhật Bản là một ví dụ điển hình về thực hiện tự chủ đại học. Mô hình tập đoàn trong quản trị đại học của Nhật Bản là một cuộc cải cách mang tính đột phá được thực hiện từ năm 2004, nhằm tăng cường tính độc lập và tự chủ cho các trường đại học quốc gia. Nhờ đó, giáo dục đại học Nhật Bản đã có những bước tiến mạnh mẽ, khẳng định vị thế trên trường quốc tế [6]. Trong mô hình này, mỗi trường đại học được tổ chức như một tập đoàn với cấu trúc quản trị ba tầng rõ ràng. Ở cấp cao nhất là Hội đồng quản trị do Chủ tịch trường đứng đầu, có quyền quyết định về tài chính. Tầng thứ hai là Hội đồng quản lý điều hành, chịu trách nhiệm về các vấn đề hành chính và vận hành. Tầng thứ ba là Hội đồng giáo dục và nghiên cứu, tập trung vào các nhiệm vụ học thuật. Mặc dù có sự phân công trách nhiệm rõ ràng giữa ba hội đồng, Chủ tịch trường vẫn là người có quyền ra quyết định cuối cùng với sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị. Về tài chính, các trường đại học tại Nhật Bản được nhận ba nguồn kinh phí chính từ nhà nước dưới dạng trợ cấp hoạt động một lần, bao gồm kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí nghiên cứu khoa học cạnh tranh và kinh phí hỗ trợ sinh viên. Việc phân bổ này dựa trên kế hoạch phát triển trung hạn 6 năm do mỗi trường xây dựng. Các trường được quyền tự chủ trong việc quyết định mức học phí trong giới hạn tăng 10% so với mức chuẩn và có thể tìm kiếm nguồn thu bổ sung thông qua hợp tác ba bên Chính phủ - trường học - doanh nghiệp.

Tóm lại, các nghiên cứu quốc tế gần đây đã cung cấp những bằng chứng quan trọng về vai

trò của tính tự chủ đối với sự phát triển của các trường đại học. Tuy nhiên, để thúc đẩy tính tự chủ một cách hiệu quả, cần phải xem xét một cách toàn diện các yếu tố về cơ chế quản trị, trách nhiệm giải trình và lòng tin trong mối quan hệ giữa nhà trường, chính phủ và các bên liên quan.

2. Tiến trình xây dựng pháp luật tự chủ đại học ở Việt Nam

Quá trình thực hiện tự chủ đại học tại Việt Nam đã và đang được triển khai một cách có hệ thống, với sự hoàn thiện dần của khung pháp lý và những kinh nghiệm thực tiễn quý báu từ các cơ sở giáo dục thí điểm.

Về mặt thể chế, khung pháp lý cho tự chủ đại học được xây dựng từ năm 1998 và liên tục được cập nhật, hoàn thiện. Luật Giáo dục năm 1998 đã đặt nền móng đầu tiên khi ghi nhận quyền tự chủ và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học trong việc xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo và quản lý tài chính. Điều lệ trường đại học 2003 tiếp tục mở rộng phạm vi tự chủ thành 7 nhóm quyền cơ bản, tạo hành lang pháp lý cho các trường trong hoạch định phát triển, tổ chức đào tạo và quản lý nguồn lực.

Bước tiến quan trọng tiếp theo là Luật Giáo dục năm 2005 và Nghị quyết 14/2005/NQ-CP, xác định rõ mục tiêu chuyển các trường công lập sang cơ chế tự chủ toàn diện. Các văn bản pháp quy như Nghị định 43/2006/NĐ-CP và Thông tư 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV đã cụ thể hóa quyền tự chủ của các trường trong tổ chức, nhân sự và tài chính. Đặc biệt, Luật Giáo dục Đại học 2012 đã dành riêng Điều 32 quy định về quyền tự chủ đại học, đánh dấu sự công nhận đầy đủ về mặt pháp lý. Gần đây nhất, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục Đại học năm 2018 đã có những điều chỉnh tích cực nhằm mở rộng quyền tự chủ và tăng cường trách nhiệm giải trình.

Về thực trạng triển khai, tự chủ đại học bắt đầu được thí điểm từ giai đoạn 2014-2017 với bốn trường đại học đầu tiên là Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Kinh tế TP.HCM, Đại học

Ngoại thương và Đại học Hà Nội. Mô hình này sau đó được mở rộng cho các trường như Đại học Mở TP.HCM, Viện Đại học Mở Hà Nội, Đại học Tôn Đức Thắng và Đại học Bách khoa Hà Nội. Đến nay, khoảng 30 cơ sở giáo dục đại học công lập đã thực hiện tự chủ và đạt được những thành tựu đáng kể.

Các trường thí điểm đã thể hiện những kết quả tích cực như củng cố vị thế trong hệ thống giáo dục, tăng cường khả năng tạo nguồn thu linh hoạt và cải thiện thu nhập cho đội ngũ cán bộ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cũng bộc lộ một số hạn chế cần được giải quyết. Chính sách và khung pháp lý về tự chủ còn thiếu đồng bộ, nằm rải rác trong nhiều văn bản. Nhiều cơ sở giáo dục chưa chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết và năng lực quản trị chưa đáp ứng yêu cầu. Đáng chú ý, việc trao quyền tự chủ vẫn theo hướng "từ trên xuống" mà chưa xuất phát từ nhu cầu nội tại của các trường.

Mặc dù còn tồn tại những thách thức, những kinh nghiệm từ các trường đã thực hiện tự chủ thành công cho thấy đây là hướng đi đúng đắn trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Điều này tạo cơ sở để các trường đại học khác, trong đó có Trường Đại học Giao thông Vận tải TP.HCM, xem xét và triển khai mô hình tự chủ phù hợp với điều kiện và năng lực của mình.

Các văn bản này đã tạo cơ sở pháp lý và thúc đẩy quá trình tự chủ đại học tại Việt Nam, đồng thời định hướng cho các cơ sở giáo dục đại học phát triển trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế.

3. Đánh giá điều kiện thực hiện tự chủ tại Trường Đại học Giao thông vận tải TP.HCM

3.1 Tự chủ về tổ chức quản trị

Về nhân sự, UTH đã xây dựng được đội ngũ giảng viên chất lượng cao với 613 người, trong đó có 13 Phó Giáo sư, 75 Tiến sĩ, 375 Thạc sĩ và 113 giảng viên trình độ đại học. Công tác tuyển dụng được thực hiện dựa trên đề án vị trí

việc làm được Hội đồng trường phê duyệt, đảm bảo tính công khai, minh bạch và cạnh tranh.

Về cơ cấu tổ chức, Trường vận hành theo mô hình ba cấp, trong đó Hội đồng trường đóng vai trò quản trị và giám sát chiến lược, Ban Giám hiệu thực hiện chức năng điều hành, các đơn vị chuyên môn và chức năng triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu và hỗ trợ. Đặc biệt, Trường được trao quyền tự chủ cao trong việc phát triển tổ chức, bao gồm quyền quyết định thành lập mới, sáp nhập, chia tách các đơn vị trực thuộc và thậm chí có thể nâng cấp thành Đại học khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

Trong lĩnh vực quản trị nhân sự, Trường đã xây dựng được hệ thống chính sách và quy trình chuyên nghiệp. Công tác tuyển dụng được thực hiện dựa trên đề án vị trí việc làm được Hội đồng trường phê duyệt, với quy trình minh bạch và tiêu chí rõ ràng. Các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp do Trường ban hành phù hợp với yêu cầu phát triển và đặc thù của từng vị trí.

Một đặc điểm nổi bật trong chính sách nhân sự của Trường là việc linh hoạt trong thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Trường được quyền ký hợp đồng với giảng viên trong và ngoài nước có trình độ chuyên môn cao, đồng thời những giảng viên này được tính như giảng viên cơ hữu trong việc đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo. Chính sách này góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu của Trường.

Về chế độ làm việc, Trường đã xây dựng được khung pháp lý nội bộ phù hợp với quy định của Luật Viên chức và Luật Lao động. Đặc biệt, quy chế làm việc dành cho giảng viên được thiết kế riêng biệt, phản ánh đặc thù của hoạt động giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường đại học.

3.2 Tự chủ về tài chính

Trường đã thiết lập cơ chế quản lý tài chính độc lập và minh bạch. Điều này được thể hiện qua việc ban hành Quy chế tài chính và Quy chế chi

tiêu nội bộ. Trong giai đoạn 2022-2026, Trường đã xây dựng lộ trình học phí rõ ràng theo từng bậc đào tạo. Cụ thể, đối với bậc đại học, mức học phí dự kiến tăng từ 1.450.000 đồng năm 2022-2023 lên 2.205.000 đồng vào năm 2025-2026. Đối với bậc cao học, mức học phí tăng từ 2.175.000 đồng lên 3.308.000 đồng, và bậc nghiên cứu sinh từ 3.625.000 đồng lên 5.513.000 đồng trong cùng giai đoạn.

Song song với việc tăng học phí, Trường cam kết thực hiện đầy đủ chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP. Đặc biệt, phần chênh lệch giữa mức hỗ trợ của Nhà nước và mức học phí của Trường sẽ được Trường cấp bù toàn bộ. Trường cũng xây dựng chính sách học bổng đa dạng, bao gồm học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên xuất sắc và hỗ trợ tài chính cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

3.3. Tự chủ về nhân sự

Về nhân sự, UTH đã xây dựng được đội ngũ giảng viên chất lượng cao với 613 người, trong đó có 13 Phó Giáo sư, 75 Tiến sĩ, 375 Thạc sĩ và 113 giảng viên trình độ đại học. Công tác tuyển dụng được thực hiện dựa trên đề án vị trí việc làm được Hội đồng trường phê duyệt, đảm bảo tính công khai, minh bạch và cạnh tranh.

Trong lĩnh vực quản trị nhân sự, Trường đã xây dựng được hệ thống chính sách và quy trình chuyên nghiệp. Công tác tuyển dụng được thực hiện dựa trên đề án vị trí việc làm được Hội đồng trường phê duyệt, với quy trình minh bạch và tiêu chí rõ ràng. Các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp do Trường ban hành phù hợp với yêu cầu phát triển và đặc thù của từng vị trí.

Một đặc điểm nổi bật trong chính sách nhân sự của Trường là việc linh hoạt trong thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Trường được quyền ký hợp đồng với giảng viên trong và ngoài nước có trình độ chuyên môn cao, đồng thời những giảng viên này được tính như giảng viên cơ hữu trong việc đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo. Chính sách này góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất

lượng đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu của Trường.

Về chế độ làm việc, Trường đã xây dựng được khung pháp lý nội bộ phù hợp với quy định của Luật Viên chức và Luật Lao động. Đặc biệt, quy chế làm việc dành cho giảng viên được thiết kế riêng biệt, phản ánh đặc thù của hoạt động giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường đại học.

3.4 Tự chủ về học thuật

Trong lĩnh vực học thuật, UTH đã thể hiện năng lực tự chủ thông qua việc phát triển quy mô đào tạo lên trên 15.000 sinh viên ở nhiều cấp độ đào tạo. Trường đã triển khai đa dạng các hình thức đào tạo bao gồm chính quy, vừa làm vừa học, liên thông và văn bằng 2, cùng với các chương trình chất lượng cao và liên kết quốc tế.

Trường Đại học Giao thông vận tải TP.HCM đã và đang thực hiện quyền tự chủ trong đào tạo một cách toàn diện, thể hiện qua việc chủ động trong phát triển chương trình đào tạo, tuyển sinh và đảm bảo chất lượng đào tạo.

Về phát triển chương trình đào tạo, Trường thực hiện quyền tự chủ trong việc mở các ngành đào tạo ở các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ phù hợp với thế mạnh và nhu cầu xã hội. Các chương trình đào tạo được xây dựng tuân thủ quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo, đồng thời đảm bảo các điều kiện về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Giao thông vận tải.

Về công tác tuyển sinh, Trường được quyền chủ động xác định chỉ tiêu và xây dựng phương án tuyển sinh riêng phù hợp với lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quá trình tuyển sinh được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch, đảm bảo chất lượng đầu vào phù hợp với từng ngành đào tạo và thực hiện đúng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật.

Về tổ chức đào tạo, Trường có quyền quyết định phương thức tổ chức và quản lý đào tạo đối với các trình độ và hình thức đào tạo khác nhau.

Điều này bao gồm việc quyết định về chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá kết quả học tập, và việc biên soạn, thẩm định và sử dụng tài liệu giảng dạy. Trường cũng được phép triển khai các hình thức đào tạo linh hoạt như đào tạo từ xa và liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường cam kết thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và từng bước triển khai kiểm định chương trình đào tạo theo quy định. Trường đã xây dựng và công khai chuẩn đầu ra cho từng chương trình và trình độ đào tạo trên Cổng thông tin điện tử, đồng thời thực hiện việc cấp phát và quản lý văn bằng, chứng chỉ một cách minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát của các bên liên quan. Với quyền tự chủ trong đào tạo, Trường đã thể hiện trách nhiệm thông qua việc công khai thông tin về các ngành đào tạo, đảm bảo các điều kiện về chất lượng, và tạo môi trường học tập công bằng cho người học.

Trong định hướng phát triển nghiên cứu khoa học, Trường chủ động xác định các hướng nghiên cứu ưu tiên và đa dạng hóa các hình thức nghiên cứu. Chất lượng nghiên cứu được đảm bảo thông qua yêu cầu công bố kết quả trên các tạp chí chuyên ngành đối với nghiên cứu hàn lâm, hoặc có địa chỉ ứng dụng cụ thể cho các nghiên cứu ứng dụng. Trường cũng tăng cường vai trò tư vấn và phản biện chính sách cho các địa phương, vùng và quốc gia.

Về hợp tác nghiên cứu, Trường được quyền quyết định việc tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ và tổ chức hội thảo với các đối tác trong và ngoài nước. Trường cam kết tuân thủ các quy định của Chính phủ và các Bộ liên quan, đồng thời đẩy mạnh hoạt động của các nhóm nghiên cứu và tăng cường số lượng hội thảo khoa học hàng năm. Đặc biệt, Trường có quyền sử dụng tài sản, cơ sở vật chất và giá trị thương hiệu để liên doanh, liên kết trong hoạt động khoa học công nghệ.

Trong lĩnh vực liên kết đào tạo quốc tế, Trường chủ động lựa chọn và phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác là các trường đại học và tổ chức đào tạo có uy tín, được kiểm định chất lượng quốc tế. Trường đặc biệt chú trọng đến việc đẩy mạnh các thỏa thuận hợp tác về nghiên cứu và đào tạo sau đại học, nhằm xây dựng một hệ thống đào tạo toàn diện từ bậc đại học đến tiến sĩ theo chuẩn quốc tế.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo quốc tế, Trường thực hiện nghiêm túc việc tuyển sinh theo chuẩn đầu vào của đối tác quốc tế và tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Song song với đó, Trường xây dựng cơ chế giám sát chặt chẽ và thực hiện công khai minh bạch thông tin về các chương trình liên kết, bảo đảm quyền lợi của người học.

4. Kết quả thực hiện tự chủ đại học tại Trường Đại học Giao thông vận tải TP.HCM

Thông qua phân tích các điều kiện và thực trạng triển khai tự chủ tại Trường Đại học Giao thông vận tải TP.HCM, có thể thấy Trường đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong quá trình chuẩn bị và thực hiện tự chủ đại học.

Trường đã thành công trong việc kiểm định chất lượng giáo dục với tỷ lệ đạt 81,97% tiêu chí, đồng thời áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trên toàn Trường. Điều này thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Trường trong việc đảm bảo và cải tiến liên tục chất lượng giáo dục.

Về mặt tài chính, Trường đã xây dựng được cơ chế quản lý minh bạch với lộ trình học phí rõ ràng cho giai đoạn 2022-2026, kết hợp với các chính sách hỗ trợ học tập nhằm đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục. Điều này thể hiện sự cân bằng giữa tự chủ tài chính và trách nhiệm xã hội của một cơ sở giáo dục công lập.

5. Đánh giá tính khả thi và định hướng phát triển

Dựa trên kết quả đạt được và thực trạng hiện tại, có thể đánh giá mô hình thí điểm tự chủ đại học

tại Trường có tính khả thi cao trong giai đoạn 2021-2026. Tuy nhiên, để đảm bảo thành công trong quá trình thực hiện, Trường cần tập trung vào các định hướng phát triển then chốt sau:

Về mặt quản trị, Trường cần hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ và tăng cường năng lực quản trị điều hành. Đặc biệt là việc xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng trường và các quy định về tổ chức bộ máy phải được ưu tiên thực hiện trong thời gian tới.

Về đảm bảo chất lượng, Trường cần đẩy mạnh công tác kiểm định, không chỉ ở cấp cơ sở giáo dục mà còn phải mở rộng đến kiểm định các chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế. Điều này sẽ góp phần nâng cao vị thế và khẳng định chất lượng đào tạo của Trường.

Về tài chính, cần phát triển đa dạng các nguồn thu bên cạnh học phí, đồng thời duy trì và hoàn thiện các chính sách hỗ trợ học tập để đảm bảo tính bền vững và công bằng trong giáo dục.

Với những điều kiện và định hướng phát triển trên, Trường Đại học Giao thông vận tải TP.HCM có đủ tiềm năng để triển khai hiệu quả mô hình tự chủ đại học, góp phần khẳng định vai trò của một cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong lĩnh vực giao thông vận tải tại khu vực phía Nam.

6. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích tính khả thi của mô hình thí điểm tự chủ đại học tại Trường Đại học Giao thông vận tải TP.HCM dựa trên khung lý thuyết về tự chủ đại học và kinh nghiệm quốc tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy UTH đã đáp ứng các điều kiện cần thiết để triển khai tự chủ toàn diện trên các lĩnh vực: tổ chức quản trị, tài chính, nhân sự và học thuật.

Tuy nhiên, để đảm bảo thành công trong quá trình thực hiện tự chủ, Trường cần tập trung hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ, đẩy mạnh kiểm định chương trình theo chuẩn quốc tế và đa dạng hóa nguồn thu. Với định hướng

phát triển phù hợp và nền tảng sẵn có, UTH có tiềm năng trở thành mô hình tự chủ đại học thành công, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực ngành giao thông vận tải, đồng thời cung cấp những bài học kinh nghiệm quý báu cho các cơ sở giáo dục đại học công lập khác trong quá trình chuyển đổi sang tự chủ.

Tài liệu tham khảo

- [1] T. Estermann, T. Nokkala, and M. Steinel, "University Autonomy in Europe II".
- [2] L. Van Ha, "Tự chủ đại học và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn triển khai tại Việt Nam." [Online]. Available: <https://kinhtevadubao.vn/tu-chu-dai-hoc-va-nhung-van-de-dat-ra-trong-thuc-tien-trien-khai-tai-viet-nam-22661.html>
- [3] J. Enders, H. de Boer, and E. Weyer, "Regulatory autonomy and performance: the reform of higher education re-visited," *Higher Education*, vol. 65, no. 1, pp. 5–23, Jan. 2013, doi: 10.1007/s10734-012-9578-4.
- [4] L. Vidovich and J. Currie, "Governance and Trust in Higher Education," *Studies in Higher Education*, vol. 36, pp. 43–56, Feb. 2011, doi: 10.1080/03075070903469580.
- [5] L. Van Ha, "Quản lý tự chủ tài chính đại học: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách cho Việt Nam." [Online]. Available: <https://kinhtevadubao.vn/quan-ly-tu-chu-tai-chinh-dai-hoc-kinh-nghiem-quoc-te-va-ham-y-chinh-sach-cho-viet-nam-22358.html>
- [6] Thi Lan Huong, "Trao quyền tự chủ đại học của Nhật Bản và kinh nghiệm đối với Việt Nam." [Online]. Available: <https://tcnn.vn/news/detail/45861/Trao-quyen-tu-chu-dai-hoc-cua-Nhat-Ban-va-kinh-nghiem-doi-voi-Viet-Nam.html>

Nghiên cứu này cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc hoạch định chính sách tự chủ đại học tại Việt Nam, đồng thời mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo về đánh giá tác động của tự chủ đối với hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học công lập.